TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

*Số bản án: **04**/2018/HNGĐ-ST.*
Ngày:10/01/2018.
V/v:"Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Cường.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Bé;
Ông Từ Xuân Tiếng.
- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 377/2017/TLST-DS ngày 29/8/2017 về "Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXX-ST ngày 05/01/2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1975.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.
Bị đơn: Ông Bùi Nguyên H2, sinh năm 1972.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.
Bà H1 có mặt, ông H2 có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI D VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê Thị H1 trình bày:

Bà và ông H2 là do tự nguyện đăng kí kết hôn tại UBND xã B vào năm 2002. Ban đầu, bà và ông H2 chung sống hòa thuận, cùng nhau làm ăn, tạo dựng gia đình và chăm lo cho con chung. Thời gian sau, giữa bà và ông H2 nảy sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Qua thời gian thì mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng tăng, bà và ông H2 thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Thấy mâu thuẫn ngày càng tăng nên bà và ông H2 đã ly thân cho đến nay là gần 02 năm. Trong thời gian ly thân, hai bên không còn quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, mỗi bên đều có cuộc sống riêng và bà H1 cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ, chồng với ông H2. Vì những điều này nên bà H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H2.

Về con chung: có 03 con chung là Bùi Thị Kim D, sinh năm: 1994 và Bùi Thị Kim H3, sinh năm: 1997, hiện cháu D và cháu H3 đã trưởng thành và có thể tự lo cho

bản thân; cháu Bùi Thị Kim H4, sinh ngày: 24/5/2000 hiện đang sống chung với ông H2. Bà H1 đồng ý giao cháu H4 cho ông H2 nuôi dưỡng và bà cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không tranh chấp với ông H2.

Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản làm việc ngày 02/01/2018, ông Bùi Nguyên H2 trình bày: Ông thống nhất với bà Lê Thị H1 về điều kiện kết hôn cũng như tình trạng hôn nhân. Nay bà H1 khởi kiện xin ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn với bà Lê Thị H1. Do công việc kiếm sống nên ông H2 có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông H2. Về con chung: có 03 con chung là Bùi Thị Kim D, sinh năm: 1994 và Bùi Thị Kim H3, sinh năm: 1997, hiện cháu D và cháu H3 đã trưởng thành và có thể tự lo cho bản thân; cháu Bùi Thị Kim H4, sinh ngày: 24/5/2000 hiện đang sống chung với ông H2. Nếu Tòa án cho ly hôn thì ông H2 đồng ý nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu bà H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp với bà H1 và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơn vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận đinh:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm căn cứ vào các Điều 28, 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H2 là có cơ sở.

[2]. Về nội D vụ án: Bà Lê Thị H1 và ông Bùi Nguyên H2 chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Bình vào năm 2002. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 03 con chung là Bùi Thị Kim D, sinh năm: 1994 và Bùi Thị Kim H3, sinh năm: 1997, cháu Bùi Thị Kim H4, sinh ngày: 24/5/2000. Thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm kéo dài. Bà H1 và ông H2 đã ly thân hơn 02 năm.

[3.]. Xét thấy, giữa bà H1 và ông H2 có thời gian ly thân đã lâu, trong thời gian này giữa bà H1 và ông H2 không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác bà H1 kiên quyết ly hôn, không đồng ý đoàn tụ với ông H2. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, bền vững nhưng bà H1 và ông H2 không đảm bảo nguyên tắc này, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà Lê Thị H1 và ông Bùi Nguyên H2.

Về con chung: Cháu Bùi Thị Kim H4, sinh ngày: 24/5/2000 có nguyên vọng được sống chung với ông H2 và đồng thời bà H1 cũng tự nguyện giao con chung cho ông H2 nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Bà H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật mỗi tháng 650.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Vì vậy, cần giao cháu Bùi Thị Kim H4 cho ông Bùi Nguyên H2 nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ phải thu và nợ phải trả: Ghi nhận bà Lê Thị H1, ông Bùi Nguyên H2 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án". Cụ thể tuyên:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị H1 được ly hôn với ông Bùi Nguyên H2.

Về con chung: Ông Bùi Nguyên H2 được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Thị Kim H4, sinh ngày: 24/5/2000. Ghi nhận bà Lê Thị H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 650.000đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Bà Lê Thị H1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giao dục con chung, không ai được cản trở bà H1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ phải thu và nợ phải trả: Ghi nhận bà Lê Thị H1, ông Bùi Nguyên H2 khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011975 ngày 29/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Ghi nhận bà H1 đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà Lê Thị H1 phải nộp 300.000 đồng và còn phải nộp tiếp số tiền này.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- UBND xã Châu Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Chí Cường

Nơi nhận:
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Mỹ;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã nơi cư trú.